**8. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu)**

- **Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc qua đường bưu chính công.

+ Bước 2: Chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ:

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ thì trả hồ sơ yêu cầu bổ sung.

- Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thành phần, trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, Chuyên viên Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ra Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, sau đó chuyển hồ sơ cho phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản xử lý.

+ Bước 3: Phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản khi tiếp nhận và thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp nếu thấy hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản phải phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ biết để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hồ sơ. Sau khi nhận được điều chỉnh bổ sung hồ sơ của tổ chức, cá nhân, phòng Khai thác & Phát triển nguồn lợi thủy sản tiếp tục xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký ban hành (tổng thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc).

- Trường hợp nếu hồ sơ hợp lệ thì, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc phải thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Chi cục xem xét, ký ban hành.

+ Bước 4: Trong thời hạn không quá 01 buổi làm việc, Lãnh đạo Chi cục Thủy sản xem xét, ký phê duyệt và chuyển kết quả Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

- **Cách thức thực hiện:** trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; hoặc dịch vụ trực tuyến (nếu có); qua địa chỉ email: tntkq.ccts@gmail.com.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

**\* *Hồ sơ phải nộp tại cơ quan đăng ký tàu cá*:**

1) Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu);

2) Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền (bản chính);

3) Giấy chứng nhận xóa đăng ký (bản chính) kèm theo bản dịch tiếng Việt (có chứng thực của Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc Phòng Công chứng hoặc Văn phòng Công chứng) đối với tàu cá đã qua sử dụng;

4) Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan (bản sao có công chứng);

5) Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam (bản sao có công chứng);

6) Ảnh của tàu cá nhập khẩu (02 ảnh màu cỡ 9 x 12), chụp theo hướng dọc hai bên mạn tàu.

**\* *Hồ sơ xuất trình tại cơ quan đăng ký tàu cá*:**

7) Hồ sơ xuất xưởng của cơ sở đóng tàu và lý lịch máy tàu, lý lịch của các trang thiết bị lắp đặt trên tàu (bản chính) đối với tàu cá đóng mới;

8) Sổ đăng kiểm tàu cá do cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam có thẩm quyền cấp;

9) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá do cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam có thẩm quyền cấp.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời gian giải quyết:** không quá 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản An Giang.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tổ chức.

+ Cá nhân.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký tàu cá theo mẫu Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP.

- **Phí và lệ phí:** Không.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tàu cá đã được đưa về Việt Nam.

+ Người nhập khẩu đã hoàn tất thủ tục nhập khẩu.

+ Người nhập khẩu đã nộp đầy đủ các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp tàu cá được đăng ký tạm thời).

+ Tàu cá đã được cơ quan Đăng kiểm tàu cá Việt Nam có thẩm quyền cấp Sổ đăng kiểm và các Biên bản kiểm tra an toàn kỹ thuật có liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về nhập khẩu tàu cá.

+ Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về lĩnh vực thủy sản.

+ Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm, an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị tàu cá, phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép hoạt động thủy sản.

+ Quyết định 3548/QĐ-BNN-TCTS ngày 29 tháng 8 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa và thủ tục hành chính bị hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực thủy sản.

**PHỤ LỤC II  
(Annex II)**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ  
(Application for registration of import fishing vessel)**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ)  
 (Promulgated with Decree No 52/2010/NĐ-CP dated 17/5/2010 by the Government)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness ------------** *……….., ngày….. tháng …. năm ……. ……….., date……………………………...*  **TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ APPLICATION FOR REGISTRATION OF FISHING VESSEL**  Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu cá) (\*) *To: (Name of the Fishing Vessel Registration Agency)*  Đề nghị đăng ký tàu cá với các thông số dưới đây: *This is to kindly request for registration of fishing vessel with the following specifications*   |  |  | | --- | --- | | Tên tàu:  *Name of Vessel* | Hô hiệu:  *Call sign* | | Kiểu tàu:  *Type of Vessel* | Vật liệu:  *Materials* | | Quốc tịch:  *Flag* | Tổng dung tích:  *Gross Tonnage* |   Công dụng:  *Used for*  Năm và nơi đóng  *Year and Place of Build*   |  |  | | --- | --- | | Chiều dài lớn nhất Lmax …………………….. *Length verall* | Chiều dài thiết kế Ltk ……………………….. *Length* | | Chiều rộng lớn nhất Bmax …………………… *Breadth overall* | Chiều rộng thiết kế Btk ……………………… *Breadth* | | Chiều cao mạn D …………………………… *Draught* | Chiều chìm d ……………………………….. *Depth* | | Trọng tải toàn phần:  *Dead weight* | Tổng dunt tích:  *Gross tonnage* | | Số lượng máy ……………………………….. *Number of Engines* | Tổng công suất……………………………… *Total Power* |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Kiểu máy** *Type* | **Số máy** *Number* | **Công suất** *Power* | **Năm chế tạo** *Year of Build* | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   Chủ tàu:  *Vessel Owner*  Nơi thường trú  *Residential Address*  Cơ quan đăng ký  *Vessel Registration Agency*  Cơ quan đăng kiểm  *Register of Vessels*  Cảng đăng ký  *Registry Port*  Hình thức đăng ký:  *Type of registration*   |  |  | | --- | --- | |  | **Người đề nghị** *Applicant* (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) *(sign, full name and seal)* |   Ghi chú: (note):  (\*) - Cơ quan đăng ký tàu cá của tỉnh là Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (*Fishing Vessel Registration Agency at provincial level is Sub Department of Capture Fisheries and Fisheries Resources Protection*)  - Cơ quan đăng ký tàu cá của trung ương là Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản (*Fishing Vessel Registration Agency at central level is Department of Capture Fisheries and Fisheries Resources Protection*) |